

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THÔNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 08 THÁNG 01 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TÔNG CỘNG						341 236	#REF!	#REF!			
I		CẢNG CHÍNH						132 130	57 269	74 861			
		Tàu đã làm hàng (trong cầu)						28 700	28 724	- 24			
1		ĐIỆN VINH TÂN 1	03/01	05/01		VIỆT THUẬN 235-02	CÁM 6A.1	25 000	25 046	- 46	08/01	HỘ LỚN	MỐN: 24.999,02
2		ĐAM HÀ BẮC	06/01	10/01	21/01	QN 4330	CÁM 4A.1	1 700	1 688	12	08/01	HỘ LỚN	MỐN: 1.682,29
3		SÔNG HỒNG	06/01	23/01	13/01	BN 1856	CỤC XÔ 1C	1 000	992	9	08/01	TD	
4		VINA CARBON	08/01	42/01	15/01	BN 1858	CÁM 1	1 000	999	1	08/01	TD	
		Tàu dự kiến rút trong ngày						73 240	28 545	44 696			
1		ĐIỆN VINH TÂN 2	05/01	08/01		HẢI NAM 39	CÁM 6A.14	28 700	26 416	2 284	RÓT ĐỔ	HỘ LỚN	MỐN: 26.402,11
2		ĐAM HÀ BẮC	06/01	11/01	21/01	TD 39-4	CÁM 4A.1	2 800	1 842	958	RÓT ĐỔ	HỘ LỚN	
3		VTT	08/01	45/01	15/01	QN 4438	CỤC XÔ 1C	1 040	287	754	RÓT ĐỔ	TD	
4		ĐIỆN VINH TÂN 2	06/01	14/01		VIỆT THUẬN STAR	CÁM 6A.14	40 700		40 700		HỘ LỚN	TTCO: 25.700 - KDTCP: 5.000 - CLM: 10.000
		Tàu đã làm lệnh (trong cầu)						30 190		30 190			
1		ĐAM HÀ BẮC	06/01	12/01	21/01	QN 4140	CÁM 4B.1	1 800		1 800		HỘ LỚN	
2		ĐIỆN VŨNG ÁNG	07/01	16/01		TRƯỜNG NGUYỄN SKY	CÁM 5A.10	26 200		26 200		HỘ LỚN	
3		SÔNG HỒNG	04/01	15/01	11/01	TNG 0889	CỤC XÔ 1C	990		990		TD	
4		DVVT QUẢNG NINH	06/01	24/01	13/01	BN 0679	CỤC XÔ 1C	1 200		1 200		TD	
		Tàu chuyển tải						161 950	8 300	153 650			
		Tàu đã làm hàng											
		Tàu dự kiến rút trong ngày						51 950	8 300	43 650			
1		ĐIỆN VINH TÂN 1	03/01	06/01		VIỆT THUẬN 26-01	CÁM 6A.1	25 500	8300,0	17 200	RÓT ĐỔ	HỘ LỚN	TTHG: 20.000 - KVCP: 5.500
2		ĐIỆN DUYÊN HẢI	03/01	07/01		VIỆT THUẬN 30-06	CÁM 5B.10	26 450		26 450		HỘ LỚN	TTHG: 26.450
		Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)						136 450		136 450			
1		ĐIỆN VINH TÂN 1	06/01	15/01		VIỆT THUẬN OCEAN	CÁM 6A.1	46 000		46 000		HỘ LỚN	TTCO: 25.000 - KVCP: 6.000 - TTHG: 15.000
2		ĐIỆN VŨNG ÁNG	07/01	17/01		TRƯỜNG NGUYỄN STAR	CÁM 5A.14	23 300		23 300		HỘ LỚN	CLM: 18.000 - TTHG: 5.300
II		KHO G9-HÓA CHẤT						52 016	8 035	43 981			
		Tàu đã làm hàng						3 081	3 066	15			
1		DVVT QUẢNG NINH	01/01	02/01	07/01	BN 1816	CỤC XÔ 1B	1 100	1 095	5	08/01	TD	NGUỒN ĐN-CS
2		CROMIT	08/01	49/01	15/01	HD 1818	CÁM 8A	1 981	1 971	10	08/01	TD	NGUỒN ĐN-CS
		Tàu dự kiến rút trong ngày						14 443	4 969	9 474			
1		DVVT QUẢNG NINH	01/01	03/01	07/01	BN 1809	CỤC XÔ 1A	1 050	642	408	RÓT ĐỔ	TD	NGUỒN ĐN-CS
2		V TRACO	07/01	30/01	14/01	BN 0758	CÁM 8A	1 247	632	615	RÓT ĐỔ	TD	NGUỒN ĐN-CS

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THÔNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 08 THÁNG 01 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
3		TRƯỜNG ANH 888	08/01	47/01	15/01	HD 3529	CẨM 8A	2 316	1 612	704	RÓT ĐỎ	TD	
4		THAN MIỀN TRUNG	08/01	48/01	15/01	HÙNG MẠNH 68	CẨM 8A	2 340		2 340		TD	NGUỒN ĐN-CS
5		ĐTTM&DV	06/01	27/01	13/01	BN 2611	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	NGUỒN ĐN-CS
6		THAN NK TÀU MV IKAN KEMBUNG	02/01	08		SON HẢI 07	TNK (ÚC)	4 090	2 083	2 007	RÓT ĐỎ		
7		THAN NK TÀU MV IKAN KEMBUNG	04/01	23		CỬA ÔNG 05	TNK (ÚC)	2 300		2 300			
		Tàu đã làm lệnh						34 492		34 492			
1		KDT MIỀN BẮC	08/01	46/01	18/01	HP 4882	CẨM 7C	1 256		1 256		PTCB	
2		THAN MIỀN TRUNG	02/01	08/01	09/01	BẢO HÂN 36 (BN 2397)	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
3		VTT	03/01	13/01	10/01	BN 2112	CỤC 1A	1 100		1 100		TD	NGUỒN ĐN-CS
4		CẦU ĐUÔNG	06/01	25/01	13/01	BN 0936	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
5		ĐTTM&DV	07/01	37/01	14/01	THÀNH ĐẠT 28	CỤC 1B	1 550		1 550		TD	NGUỒN TN
6		ĐTTM&DV	07/01	37/01	14/01	THÀNH ĐẠT 28	CẨM 8A	1 550		1 550		TD	NGUỒN ĐN-CS
7		SXTM THAN UỐNG BÍ	08/01	39/01	15/01	HD 3833	CỤC 1B	2 100		2 100		TD	NGUỒN ĐN-CS
8		DVVT QUẢNG NINH	08/01	43/01	15/01	BN 0959	CỤC 1B	1 150		1 150		TD	NGUỒN TN
9		ĐTTM&DV	08/01	44/01	15/01	BN 0766	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	NGUỒN ĐN-CS
10		THAN NK TÀU MV MARIANNE STOEGER	04/01	22		CẨM PHẢ 20	TNK (ÚC)	3 900		3 900			
11		THAN NK TÀU MV MARIANNE STOEGER	04/01	22		CỬA ÔNG 19	TNK (ÚC)	2 100		2 100			
12		THAN NK TÀU MV MARIANNE STOEGER	05/01	35		CỬA ÔNG 09	TNK (ÚC)	2 300		2 300			
13		THAN NK TÀU MV AP JADRAN	06/01	43		CỬA ÔNG 15	TNK (MOZAMBIQUE)	2 100		2 100			
14		THAN NK TÀU MV AP JADRAN	06/01	43		CỬA ÔNG 18	TNK (MOZAMBIQUE)	2 100		2 100			
15		THAN NK TÀU MV AP JADRAN	06/01	43		CỬA ÔNG 14	TNK (MOZAMBIQUE)	2 100		2 100			
16		THAN NK TÀU MV AP JADRAN	08/01	73		CỬA ÔNG 16	TNK (MOZAMBIQUE)	2 100		2 100			
17		THAN NK TÀU MV AP JADRAN	08/01	73		CỬA ÔNG 05	TNK (MOZAMBIQUE)	2 100		2 100			
18		THAN NK TÀU MV KATAGALAN WISDOM	08/01	90		QN 1176	TNK (ÚC)	3 886		3 886			
III		<u>KHO BẢO NGUYỄN</u>						-	-	-			
		Tàu đã làm hàng											
		Tàu dự kiến rót trong ngày											
		Tàu đã làm lệnh											
IV		<u>KHO CẢNG KM6</u>						15 520	14 297	1 223			
		Tàu đã làm hàng						12 730	12 688	42			
1		NHÔM LÂM ĐỒNG	07/01	35	17/01	VINACOMIN 030-02	CỤC 4A.2	1 200	1 193	7	08/01	BAUXIT	
2		NHÔM ĐẮK NÔNG	07/01	38	14/01	HẢI ĐĂNG 666	CẨM 5A.1	2 050	2 044	6	08/01	BAUXIT	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THÔNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 08 THÁNG 01 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
3		COALIMEX	07/01	31	17/01	HOÀNG ANH 36	CÁM 6A.1	3 050	3 046	4	08/01	PTCB	
4		KDT MIỀN BẮC	07/01	32	17/01	TB 1619	CÁM 5A.1	2 600	2 593	7	08/01	PTCB	
5		KDT MIỀN BẮC	08/01	40	18/01	NĐ 4349	CÁM 5B.1	2 350	2 346	4	08/01	PTCB	
6		COALIMEX	08/01	41	18/01	NB 2771	CÁM 6A.1	1 480	1 466	14	08/01	PTCB	
		Tàu dự kiến rót trong ngày						2 790	1 609	1 181			
1		NHÓM ĐẮK NÔNG	07/01	38	14/01	HẢI ĐĂNG 666	CỤC 4A.2	1 750	1 609	141	08/01	BAUXIT	
2		VTT	05/01	19	12/01	HD 2225	ĐON 8A	1 040		1 040		TD	NGUỒN QH
		Tàu đã làm lệnh											
<u>V</u>		<u>TÀU XUẤT KHẨU</u>						4 800	4 780	20			
		Tàu đã làm hàng											
		Tàu dự kiến rót trong ngày						4 800	4 780	20			
1		THÁI LAN	05/01	01/01/XK		MV ROYAL 16	CÁM 3B.1	4 800	4 780	20	RÓT DỎ		
		Tàu đã làm lệnh											
<u>VI</u>		<u>TÀU NHẬP KHẨU</u>		ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH				80 000	6 300	73 700			
		Tàu đã làm hàng											
		Tàu dự kiến rót trong ngày						10 000	6 300	3 700			
1		MOZAMBIQUE		CLM		MV AP JADRAN		10 000	6 300	3 700	BỐC DỎ		KVCP: 10.000
		Tàu đã làm lệnh						70 000		70 000			
1		ÚC		CLM		MV KATAGALAN WISDOM		15 000		15 000			KVCP: 15.000
2		NAM PHI		CLM		MV SEA FALCON		15 000		15 000			TTCO: 15.000
3		ÚC		CLM		MV RADIANT		15 000		15 000			TTCO: 15.000
4		NAM PHI		CLM		MV ECO CENTURION		25 000		25 000			TTCO: 15.000 - KVCP: 10.000